

Số/No.: 134/2026/CV-PC

TP. HCM, ngày 02 tháng 03 năm 2026  
Ho Chi Minh City, March 2<sup>nd</sup>, 2026

V/v: Công bố Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tỷ lệ ATTC năm 2025 đã được kiểm toán  
Ref: Disclosing the 2025 Audited Separate, Consolidated Financial Statements and Financial Safety Ratio Report

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
**Respectfully to:** **State Securities Commission of Vietnam**  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam  
**Vietnam Exchange**  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh  
**Ho Chi Minh Stock Exchange**

Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT (VDSC)**  
*Organization name* **VIET DRAGON SECURITIES CORPORATION**  
Mã chứng khoán/Mã thành viên : VDS/033  
*Stock code/Broker code*  
Trụ sở chính : Tầng 1 đến Tầng 8, Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, TP.HCM  
*Headquarter* **Floor 1 to Floor 8, Viet Dragon Tower, 141 Nguyen Du Street, Ben Thanh Ward, HCMC**  
Điện thoại/Tel : 028.6299.2006  
Người thực hiện CBTT : Bà Nguyễn Thị Thu Huyền  
*Submitted by* **Mrs. Nguyen Thi Thu Huyen**  
Loại thông tin công bố :  24 h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ  
*Information disclosure type*  24 hours  On demand  Extraordinary  Periodic

Nội dung thông tin công bố/*Content of information disclosure:*

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt trân trọng công bố:

*Viet Dragon Securities Corporation respectfully announce:*

- Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2025;  
*The 2025 Audited Separate Financial Statements;*
- Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025;  
*The 2025 Audited Consolidated Financial Statements;*
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.  
*The Audited Financial Safety Ratio Report as at December 31<sup>st</sup>, 2025.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 02/03/2026 tại đường dẫn <https://vdsc.com.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin>

*This information was published on the Company's website on March 2<sup>nd</sup>, 2026 as in the link <https://vdsc.com.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin>*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

**Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

- BCTC riêng và BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025.  
*The 2025 Audited Separate and Consolidated Financial Statements.*
- Báo cáo tỷ lệ ATTC tại ngày 31/12/2025 được kiểm toán.  
*The Audited Financial Safety Ratio Report as at December 31<sup>st</sup>, 2025.*

**Nơi nhận/Recipients:**

- Như trên/As above.
- Lưu/Archives: VT, PC.

**ĐẠI DIỆN CTCP CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT**  
**REPRESENTATIVE OF VIET DRAGON**  
**SECURITIES CORPORATION**  
**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**  
**PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC/GENERAL DIRECTOR**



**NGUYỄN THỊ THU HUYỀN**



# Viet Dragon Securities Corporation

Financial Safety Ratio Report

31 December 2025



# Viet Dragon Securities Corporation

## CONTENTS

|  | <i>Pages</i> |
|--|--------------|
| General information                              | 1 - 2        |
| Report of Management                             | 3            |
| Report on audit of financial safety ratio report | 4 - 5        |
| Financial safety ratio report                    | 6 - 7        |
| Notes to the financial safety ratio report       | 8 - 37       |

08  
01  
T  
SI  
E  
H

# Viet Dragon Securities Corporation

## GENERAL INFORMATION

### THE COMPANY

Viet Dragon Securities Corporation ("the Company") is a shareholding company incorporated under the Law on Enterprises of Vietnam. Pursuant to Securities Trading License No. 32/UBCK-GPHĐKD issued by the State Securities Commission on 21 December 2006. The Establishment and Operation License has been adjusted many times and the most recent time is No. 92/GPĐC-UBCK, issued on 17 September 2025.

The Company's primary activities in the year are to provide brokerage service, securities trading, finance and investment advisory service, underwriting for securities issues, securities custodian service and derivatives service.

The Company's head office is located on the 1st to the 8th floor, Viet Dragon Building, 141 Nguyen Du Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City.

As at 31 December 2025, the Company has six (06) branches located in Ha Noi, Nha Trang, Can Tho, Dong Nai, and Ho Chi Minh City. The Company has one (01) directly owned subsidiary and one (01) member fund.

### BOARD OF DIRECTORS

Members of the Board of Directors of the Company during the year and at the date of this report are as follows:

| <i>Name</i>              | <i>Title</i>       | <i>Date of appointment/reappointment</i> |
|--------------------------|--------------------|--|
| Mr. Nguyen Mien Tuan     | Chairman           | Reappointed on 5 April 2022              |
| Mr. Nguyen Thuc Vinh     | Member             | Reappointed on 5 April 2022              |
| Mr. Nguyen Hieu          | Member             | Reappointed on 5 April 2022              |
| Ms. Nguyen Thi Thu Huyen | Member             | Reappointed on 5 April 2022              |
| Mr. Nguyen Chi Trung     | Member             | Appointed on 5 April 2022                |
| Ms. Hoang Hai Anh        | Independent member | Reappointed on 5 April 2022              |
| Mr. Tran Nam Trung       | Independent member | Appointed on 5 April 2022                |
| Mr. Pham Huu Luan        | Member             | Appointed on 6 April 2023                |

### BOARD OF SUPERVISION

Members of the Board of Supervision of the Company during the year and at the date of this report are as follows:

| <i>Name</i>           | <i>Title</i>  | <i>Date of appointment/reappointment</i> |
|-----------------------|---------------|--|
| Mr. Ho Tan Dat        | Head of Board | Reappointed on 5 April 2022              |
| Mr. Nguyen Trung Quan | Member        | Appointed on 5 April 2022                |
| Ms. Nguyen Bich Diep  | Member        | Appointed on 5 April 2022                |

# Viet Dragon Securities Corporation

GENERAL INFORMATION (continued)

## MANAGEMENT AND CHIEF ACCOUNTANT

Members of the Management and Chief Accountant of the Company during the year and at the date of this report are as follows:

| <i>Name</i>              | <i>Title</i>            | <i>Date of reappointment</i>   |
|--------------------------|-------------------------|--------------------------------|
| Ms. Nguyen Thi Thu Huyen | General Director        | Reappointed on 8 February 2026 |
| Mr. Le Minh Hien         | Deputy General Director | Reappointed on 8 February 2024 |
| Ms. Duong Kim Chi        | Chief Accountant        | Reappointed on 8 February 2025 |

## LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Company during the year and at the date of this report is Mr. Nguyen Mien Tuan, Chairman.

Ms. Nguyen Thi Thu Huyen - General Director is authorized by Mr. Nguyen Mien Tuan, Chairman to sign the accompanying financial safety ratio report for the year ended 31 December 2025 in accordance with the Decision of Board of Directors No. 7A/2026/QĐ-HĐQT dated 9 February 2026.

## AUDITOR

The auditor of the Company is Ernst & Young Vietnam Limited.

# Viet Dragon Securities Corporation

## REPORT OF MANAGEMENT

The Management of Viet Dragon Securities Corporation (“the Company”) is pleased to present this report and the financial safety ratio report of the Company as at 31 December 2025.

### THE MANAGEMENT’S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT

The Management of the Company confirmed that it has complied with the requirements of Circular No. 91/2020/TT-BTC dated 13 November 2020 (“Circular 91”) and Circular No. 102/2025/TT-BTC dated 29 October 2025 (“Circular 102”) on amendments to articles of Circular 91 issued by the Ministry of Finance on financial safety ratios and remedies applicable to securities companies that fail to meet the stipulated financial safety ratios and Note 2.1 to the financial safety ratio report in the preparation and presentation of the financial safety ratio report as at 31 December 2025.

### STATEMENT BY THE MANAGEMENT

The Management of the Company does hereby state that, in its opinion, the accompanying financial safety ratio report is prepared in accordance with the requirements of Circular 91, Circular 102, and Note 2.1 to the financial safety ratio report.



Ms. Nguyen Thi Thu Huyen  
General Director

Ho Chi Minh City, Vietnam

27 February 2026



Shape the future  
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited  
20th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Email: eyhcmc@vn.ey.com  
Website (EN): ey.com/en\_vn  
Website (VN): ey.com/vi\_vn

Reference: 60752721/E-69123202-ATTC

## INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: **The Shareholders of Viet Dragon Securities Corporation**

We have audited the accompanying financial safety ratio report of Viet Dragon Securities Corporation ("the Company") as at 31 December 2025 as prepared on 27 February 2026 and set out on pages 6 to 37. The report has been prepared by the Company's management in accordance with the regulations under Circular No. 91/2020/TT-BTC dated 13 November 2020 ("Circular 91") and Circular No. 102/2025/TT-BTC dated 29 October 2025 ("Circular 102") on amendments to articles of Circular 91 issued by the Ministry of Finance on financial safety ratios and remedies applicable to securities companies that fail to meet the stipulated financial safety ratios *and Note 2.1* to the financial safety ratio report.

### ***Management's responsibility***

The Company's management is responsible for the preparation and true and fair presentation of the financial safety ratio report in accordance with Circular 91, Circular 102, and *Note 2.1* to the accompanying financial safety ratio report, and for such internal control as the management determines is necessary to enable the preparation and presentation of the financial safety ratio report that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

### ***Auditors' responsibility***

Our responsibility is to express an opinion on the financial safety ratio report based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial safety ratio report is free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial safety ratio report. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial safety ratio report, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditors consider internal control relevant to the Company's preparation and presentation of the financial safety report in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of policies used as well as evaluating the overall presentation of the financial safety ratio report.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.



Shape the future  
with confidence

### **Opinion**

In our opinion, the financial safety ratio report as at 31 December 2025 is prepared and presented, in all material respects, in accordance with the regulations on preparation of Circular 91, Circular 102, and Note 2.1 to the financial safety ratio report.

### **Basis of preparation**

We draw attention to *Note 2.1* and *Note 3* to the financial safety ratio report, which describes the applicable regulations and policies for preparation of the financial safety ratio report. Also, as described in *Note 2.2*, the financial safety ratio report has been prepared to comply with the regulations on preparation and disclosure of the financial safety ratio report. As a result, this report may not be suitable for other purposes.

### **Ernst & Young Vietnam Limited**



\_\_\_\_\_  
Nguyen Phuong Nga  
Deputy General Director  
Audit Practicing Registration  
Certificate No. 0763-2024-004-1

\_\_\_\_\_  
Hoang Thi Hong Minh  
Auditor  
Audit Practicing Registration  
Certificate No. 0761-2023-004-1

Ho Chi Minh City, Vietnam

27 February 2026

11/01/2026  
S  
i  
/c  
11

\_\_\_\_\_o0o\_\_\_\_\_  
Financial safety ratio report

\_\_\_\_\_o0o\_\_\_\_\_  
Ho Chi Minh City, 27 February 2026

## FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT

As at 31 December 2025

**To: The State Securities Commission**

We hereby confirm that:

- (1) The report is prepared on the basis of updated data at the reporting date and in accordance with regulations under Circular No. 91/2020/TT-BTC dated 13 November 2020 ("Circular 91") and Circular No. 102/2025/TT-BTC dated 29 October 2025 ("Circular 102") on amendments to articles of Circular 91 issued by the Ministry of Finance on financial safety ratios and remedies applicable to securities trading companies that fail to meet the stipulated financial safety ratios;
- (2) Subsequent events after the date of this report that can have effects on the financial position of the Company will be updated in the next reporting period;
- (3) We bear full legal responsibility for the accuracy and truthfulness of the contents of our report.

Ho Chi Minh City, Vietnam  
27 February 2026



 Ms. Duong Kim Chi  
Chief Accountant



Ms. Vo Pham Vinh Nghi  
Head of  
Internal Control Department



Ms. Nguyen Thi Thu Huyen  
General Director 

# Viet Dragon Securities Corporation

FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## SUMMARY OF EXPOSURES TO RISK AND LIQUID CAPITAL

| No | Items                                    | Notes | Exposures to risk/Liquid capital<br>VND |
|----|--|-------|---|
| 1  | Total exposures to market risk           | 4     | 432,854,613,046                         |
| 2  | Total exposures to settlement risk       | 5     | 14,507,356,553                          |
| 3  | Total exposures to operational risk      | 6     | 180,000,000,000                         |
| 4  | <b>Total exposures to risk (4=1+2+3)</b> |       | <b>627,361,969,599</b>                  |
| 5  | <b>Liquid capital</b>                    | 7     | <b>2,758,403,465,391</b>                |
| 6  | <b>Liquid capital ratio (6=5/4) (%)</b>  |       | <b>439.68%</b>                          |

 Ms. Duong Kim Chi  
Chief Accountant

Ms. Vo Pham Vinh Nghi  
Head of  
Internal Control Department



Hồ Chí Minh City, Vietnam  
27 February 2026

 Ms. Nguyen Thi Thu Huyen  
General Director



# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 1. CORPORATE INFORMATION (continued)

### *Subsidiary*

As at 31 December 2025, The Company has one (01) subsidiary and one (01) member fund as follows:

| <i>Subsidiary/<br/>Member fund</i>                | <i>Industry</i>  | <i>Direct<br/>ownership rate</i> | <i>Indirect<br/>ownership rate</i> |
|---|--|----------------------------------|------------------------------------|
| Viet Dragon Asset Management Corporation ("VDAM") | Establishing and managing securities investment funds, securities investment companies, managing securities portfolios, providing securities investment consulting and performing other related business activities in accordance with regulations under the law | 58%                              | 0%                                 |
| Rong Viet Investment Fund ("RVIF")                | Active investment in listed companies with distinctive competitive advantages and assets with stable income is in line with the strategy and investment constraints of the Fund  | 85%                              | 2.9%                               |

Viet Dragon Asset Management Corporation ("VDAM") is a joint stock company incorporated under the Law on Enterprises of Vietnam under the Certificate of Business Registration No. 0304746375 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City, which the latest license change was on 15 November 2023. Fund management operation license No. 10/UBCK-GPHĐQLQ dated 22 December 2006 issued by the State Securities Commission, the most recent license change on 29 September 2025.

The Rong Viet Investment Fund ("RVIF") was established in Vietnam according to the Securities Law No. 54/2019/QH14 dated 26 November 2019; Circular No. 98/2020/TT-BTC dated 16 November 2020, by the Ministry of Finance, which guides the operation and management of securities investment funds. The Fund was granted the Establishment License No. 65/GCN-UBCK on 18 November 2022 by the State Securities Commission ("SSC"), and the latest license was changed on 10 May 2024. The Fund operates as a Member Fund and has a duration of 05 years from the date the license was issued.

### **Employee**

The number of the Company's employees as at 31 December 2025 is 411 persons (31 December 2024: 422 persons).

# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 2. BASIS OF PRESENTATION

### 2.1 *The applicable regulations*

The financial safety ratio report of the Company is prepared and presented in accordance with the regulations under Circular No. 91/2020/TT-BTC ("Circular 91") dated 13 November 2020 ("Circular 91") and Circular No. 102/2025/TT-BTC dated 29 October 2025 ("Circular 102") on amendments to articles of Circular. 91 issued by the Ministry of Finance on financial safety ratios and remedies applicable to securities companies that fail to meet the stipulated financial safety ratios. The financial safety ratio report is prepared on the basis of the financial statement of the Company at the reporting date.

### 2.2 *Purpose of preparation*

The financial safety ratio report is prepared to comply with the regulations on the preparation and disclosure of the Company's financial safety ratio report and may not be suitable for other purposes.

### 2.3 *Reporting currency*

The Company prepares this report in Vietnam dong ("VND").

## 3. SUMMARY OF SIGNIFICANT POLICIES FOR THE PREPARATION OF THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT

### 3.1 *Liquid capital ratio*

Liquid capital ratio of the Company is determined using the formula specified in accordance with Circular 91 and Circular 102 as follows:

$$\text{Liquid Capital ratio} = \frac{\text{Liquid Capital} \times 100\%}{\text{Total exposures to risks}}$$

In which, total exposures to risks are the sum of exposures to market risk, settlement risk, and operational risk.

### 3.2 *Liquid capital*

In accordance with Circular 91 and Circular 102, the Company's liquid capital is the total equity that can be converted into cash within ninety (90) days, details as follow:

- ▶ Owners' equity, excluding redeemable preferred share (if any);
- ▶ Share premium, excluding redeemable preferred share (if any);
- ▶ Convertible bonds - Equity component (applicable to securities company that is convertible bonds issuer);
- ▶ Other owners' equity;
- ▶ Differences from revaluation of assets at fair value;
- ▶ Foreign exchange rate differences;
- ▶ Charter capital supplementary reserve;
- ▶ Operational risk and financial reserve;
- ▶ Other reserves in accordance with prevailing regulations;
- ▶ Realized undistributed retained earnings;
- ▶ Balance of provision for impairment of assets;

# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 3. SUMMARY OF SIGNIFICANT POLICIES IN PREPARATION OF FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)

### 3.2 *Liquid capital* (continued)

- ▶ Fifty percent (50%) of the increased in value of revaluated fixed assets in accordance with prevailing regulations (in case of increased revaluation), or minus the decreased in value (in case of decreased revaluation);
- ▶ Decreases to liquid capital (*Note 3.2.1*);
- ▶ Increases to liquid capital (*Note 3.2.2*); and
- ▶ Other capital (if any).

#### 3.2.1 *Decreases to liquid capital*

The company's liquid capital is decreased due to the following items:

- ▶ Total decreases in value of financial assets recognised at cost equivalent to the difference between market value and carrying value of the assets, excluding the securities issued by the Company's related parties as well as the securities restricted to transfer with the remaining restriction period of more than ninety (90) days as from the date of financial safety ratio report;
- ▶ The escrow value, in case the Company places collateral assets to the banks for banks' guarantee upon the Company's issuance of covered warrants, is determined as the minimal value of the followings: the value of banks' guarantee and the value of collateral assets (equivalent to volume of assets \* asset price \* (1 - Market risk coefficient));
- ▶ The value of the Company's assets used as collaterals for the Company's obligations with securities companies and other institutions, individuals, of which the remaining terms are of more than ninety (90) days (equivalent to volume of assets \* asset price \* (1 - Market risk coefficient)). Where the collateral is used for multiple obligations of the securities business institution, the deduction shall be calculated proportionately for each obligation of the securities business institution (Remaining value of the obligation/collateral);
- ▶ Short-term assets including prepayments, receivables and advances of which the remaining recovery period or settlement period is more than ninety (90) days, and other short-term assets;
- ▶ Long-term assets;
- ▶ The qualified, adverse or disclaimed items on the audited and reviewed financial statements (if any);
- ▶ Securities issued by the Company's related parties in the following cases:
  - The parent company, subsidiaries of the Company;
  - Subsidiaries of the Company's parent company.
- ▶ Securities restricted to transfer with the remaining restricted period of more than 90 days as from the calculation date;
- ▶ Irrecoverable items from other counter parties which are assessed as completely insolvent, are determined at the contract value.

# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 3. SUMMARY OF SIGNIFICANT POLICIES IN PREPARATION OF FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)

### 3.2 *Liquid capital* (continued)

#### 3.2.1 *Decreases to liquid capital* (continued)

When determining decreased items to liquid capital, the Company adjusts to reduce the decreasing value as follows:

- ▶ For assets being used to secure the Company's obligations to other organizations or individuals the decrease value shall be deducted by the minimal value of the followings: market value of the assets, residual value of the obligation;
- ▶ For assets secured by assets belonging to other organizations or individuals, the decrease value shall be deducted by the minimal value of the followings: market value of the collaterals, book value.

Accordingly, the value of the collateral use in calculating the deductions from the decreases to liquid capital is determined as: quantity of the asset \* asset price \* (1 – Market risk coefficient) in accordance with Circular 91 and Circular 102.

The decreases to liquid capital does not include the following items in short-term and long-term assets:

- ▶ Assets subject to market risk determination in accordance with Circular 91 and Circular 102, except for securities issued by a subsidiary, parent company or subsidiary of the Company's parent company or securities restricted to transfer with the remaining restriction period of more than ninety (90) days as from the date of calculation;
- ▶ Liquidity risk must be determined for contracts and transactions in accordance with Circular 91 and Circular 102;
- ▶ Provisions for impairment of assets;
- ▶ Provision for bad debts.

The Company does not calculate exposures to risks for items that have been deducted from the liquid capital.

#### 3.2.2 *Increases to liquid capital*

The Company's liquid capital is increased due to the following items:

- ▶ Total increases in value of financial assets recognised at cost equivalent to the difference between market value and carrying value of the assets, excluding the securities issued by the Company's related parties as well as the securities restricted to transfer with the remaining restriction period of more than ninety (90) days as from the date of financial safety ratio report; and
- ▶ Debts that are convertible to equity, including: convertible bonds, preferred shares and other debt instruments registered to supplement liquid capital with the State Securities Commission and satisfied all conditions stated in Clause 2, Article 7 of Circular 91 amended by Article 4 of Circular 102.

The total value of debt items used to supplement liquid capital is in maximum 50% of the Company's owners' equity. Regarding convertible debts and debts registered to supplement the Company's liquid capital with the State Securities Committee, the Company deducts 20% of their original value each year during the last five (05) years prior to maturity/conversion into common shares and deducts 25% of residual value quarterly during the last four (04) quarters prior to maturity/conversion into common shares.

# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 3. SUMMARY OF SIGNIFICANT POLICIES IN PREPARATION OF FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)

### 3.3 Exposures to market risk

Exposures to market risk are the potential losses which may occur when the market value of the Company's assets fluctuates in a negative trend. Exposures to market risk for the Company's assets stated in Clause 2, Article 9 of Circular 91 include cash and cash equivalent, money market instruments, bonds, shares, and funds/shares of securities investment companies that are determined by the Company at the end of the transaction day using the following formula:

$$\text{Exposures to market risk} = \text{Net position} \times \text{Asset price} \times \text{Market risk coefficient}$$

In which, net position is the net volume of securities held by the Company at the reporting date, after being deducted by the number of securities lent and increased by the number of securities borrowed in accordance with prevailing regulations.

Exposures to market risk of securities not yet fully distributed from underwriting contracts in the form of a firm commitment, covered warrants issued by the Company and future contracts are determined using the formula presented in Note 3.3.2.

Assets which are excluded when determining exposures to market risk include:

- ▶ Treasury shares;
- ▶ Securities issued by related parties of the Company in the following cases:
  - The parent company, subsidiaries of the Company;
  - Subsidiaries of the Company's parent company.
- ▶ Securities restricted to transfer with the remaining restricted period of more than 90 days as from the calculation date.
- ▶ Bonds, debt instruments and valuable papers in the money market which have matured;
- ▶ Securities which have been hedged by sell warrants or futures contracts; sell warrants and sell options which have been used to hedge for underlying securities.

#### 3.3.1 Market risk coefficient

Market risk coefficient is determined for each account of assets as specified in Appendix I, Circular 102.

#### 3.3.2 Asset price

##### a. Cash and cash equivalents, money market instruments

Value of cash in VND is the cash balance at the calculation date. Value of cash in foreign currencies is the equivalent in VND using the exchange rate published by credit institutions which are allowed to conduct foreign currencies trading at the calculation date.

Value of term deposit, treasury bills, bank drafts, commercial papers, negotiable certificates of deposit, bonds, and discounted money market instruments is the amount deposited or acquisition cost plus accrued interest using the effective interest rate.

# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 3. SUMMARY OF SIGNIFICANT POLICIES IN PREPARATION OF FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)

### 3.3 *Exposures to market risk* (continued)

#### 3.3.2 *Asset price* (continued)

##### b. *Bonds*

Value of listed bonds is the average price on the most recent trading day plus accrued interest from the most recent coupon payment date to the trading date (if the average price does not include accrued interest). In case there is no transaction for such bonds during more than 15 days prior to the date of calculation or is delisted, the value of bonds is the highest of the following values, accrued interest included: Price of the nearest valuation period but not exceeding 90 days before the valuation date; Acquisition cost; Face value and Price determined by the internal valuation methods.

Value of unlisted bonds is the average price of the bond quoted on the trading system of the Stock Exchange on the most recent trading day plus accrued interest from the most recent coupon payment date to the trading date (if the average price does not include accrued interest). If the bond is not traded on the centralized trading system of the Stock Exchange, or has no transaction for more than 15 days before the valuation date, or is deregistered from trading, its value shall be the highest among the following (accrued interest included): Price of the nearest valuation period but not exceeding 90 days before the valuation date; Acquisition cost; Face value; Price determined by the internal valuation methods.

##### c. *Shares*

Value of listed shares is closing price (or equivalent term under the Exchange's Regulations) of the most recent trading day before the calculation date. If there is no transaction for more than 15 days before the calculation date, or the share is delisted, its value shall be the highest among the following: Book value; Purchase price; Value determined under the internal regulations of the securities business institution.

Value of shares of public companies registered for trading on the UpCom system is reference price (or equivalent term under the Exchange's Regulations) of the most recent trading day before the calculation date. If there is no transaction for more than 15 days before the calculation date, or the share is deregistered from trading, its value shall be the highest among the following: Book value; Purchase price; Value determined under the internal regulations of the securities business institution. .

Value of shares under trading suspension, delisting, or deregistration for trading is value shall be the highest among the following: Price of the nearest valuation period but not exceeding 90 days before the calculation date; Book value; Par value; Value determined under the internal regulations of the securities business institution.

Value of shares registered for depository but not listed and not registered for trading is average value based on quotations of at least 3 securities companies that are not related persons on the most recent trading day before the calculation date. If fewer than 3 quotations are available, the value shall be the highest among the following: Value from available quotations; Price of the nearest reporting period; Book value; Purchase price; Value determined under the internal regulations of the securities business institution. .

Value of shares of organizations undergoing dissolution or bankruptcy is 80% of the liquidation value of such shares (the share value distributed as announced by the dissolving or bankrupt organization, or book value) as at the most recent balance sheet date, or the value determined under the internal regulations of the securities business institution.



# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 3. SUMMARY OF SIGNIFICANT POLICIES IN PREPARATION OF FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)

### 3.3 Exposures to market risk (continued)

#### 3.3.2 Asset price (continued)

##### e. Undistributed securities from underwriting contracts in form of firm commitment (continued)

Issuance risk coefficient is determined based on remaining duration to the ending date of the distribution period according to the contract; but not exceed the allowed distribution period in accordance with legislative regulations, as follows:

- Until the last day of the distribution period, if the remaining time is more than sixty (60) days: the issuance risk coefficient is 20%;
- Until the last day of the distribution period, if the remaining time is from thirty (30) days to sixty (60) days: the issuance risk coefficient is 40%;
- Until the last day of the distribution period, if the remaining time is less than thirty (30) days: the issuance risk coefficient is 60%;
- In the period of the last day of the distribution period to the settlement day: the issuance risk coefficient is 80%.
- After the last settlement day, the Company has to determine the exposures to market risk of securities that have not been distributed using the formula in Note 3.3, in accordance with regulations stated in Clause 4 Article 9 – Circular 91.
- Value of customers' collaterals is determined as follows:

$$\text{Value of collaterals} = \text{Volume of assets} \times \text{Asset price} \times (1 - \text{Market risk coefficient}).$$

##### f. Covered warrant issued by the Company

Exposures to market risk of covered warrants issued by the Company, in case of in-the-money, is determined by the following formula:

$$\text{Value at risk} = \text{Max} \{((P_0 \times Q_0 / k - P_1 \times Q_1) \times r - MD), 0\}$$

In which:

$P_0$ : Average closing price of underlying securities in 05 trading days before the calculation date.

$Q_0$ : the number of circulating warrants of a securities company.

$k$ : conversion ratio

$P_1$ : price of the underlying securities determined as prescribed in the Appendix II of Circular 91

$Q_1$ : the number of the underlying securities used by a securities companies as guarantee of the obligation to make payment for the covered warrants issued by such companies

$r$ : the market risk coefficient of the covered warrants determined as prescribed in Appendix I of Circular 91

$MD$ : the margin deposit when the securities companies issue the covered warrants.

The underlying securities in the above formula shall satisfy the following conditions: being included in the issuance plan or registered with the State Securities Commission on the use of these securities to hedge against the risks of the covered warrants issuance; and being the underlying securities of the covered warrants.

# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 3. SUMMARY OF SIGNIFICANT POLICIES IN PREPARATION OF FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)

### 3.3 Exposures to market risk (continued)

#### f. Covered warrant issued by the Company (continued)

- ▶ In case of loss from covered warrants issued by the Company, the Company shall calculate exposures to market risk of underlying securities from the hedging activities for the issued covered warrants instead of calculating exposures to market risk of the issued covered warrants.
- ▶ The Company also calculates market risk for the difference between the value of the underlying securities used to hedge against the risk of the covered warrants and the value of the underlying securities necessary to hedge for the covered warrants (corresponding to hedging value).

#### g. Futures contract

Exposures to market risk of futures contracts are determined by the following formula:

$$\text{Exposures to market risk} = \text{Max} \{((\text{Settled price at the end of the day} - \text{Securities purchasing value}) \times \text{Market risk coefficient of futures contract} - \text{Margin value}), 0\}$$

In which:

- ▶ *Settled price at the end of the day* = Closing price x Open volume
- ▶ *Securities purchasing value* is the value of underlying securities purchased by the Company to cover for future contractual obligations.
- ▶ *Margin value* is the value of assets that the Company deposits for investment, proprietary trading and market making transactions related to futures contracts.

### 3.3.3 Increase in exposures to market risk

Exposures to market risk of assets increase in case that the Company over-invests in these assets, except for the securities under firm commitment issuance underwriting contract, Government bonds and bonds guaranteed by the Government. The exposures to market risk are adjusted in accordance with following principles:

- ▶ Increased by 10% where the total investment value in securities or contributed capital of an organization accounts for more than 10% to 15% of the equity of the securities business institution.
- ▶ Increased by 20% where the total investment value in securities or contributed capital of an organization accounts for more than 15% to 25% of the equity of the securities business institution.
- ▶ Increased by 30% where the total investment value in securities or contributed capital of an organization accounts for more than 25% or more of the equity of the securities business institution.

Dividends, coupons, preference right of shares (if any) or interest of deposits, cash equivalents, negotiable instruments and valuable papers shall be added to the value of asset for the purpose of determining the exposures to market risk.

# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 3. SUMMARY OF SIGNIFICANT POLICIES IN PREPARATION OF FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)

### 3.4 *Exposures to settlement risk*

Exposures to settlement risk are the potential losses which may occur when a counter party fails to fulfil its settlement obligation or transfer assets on time as committed. Exposures to settlement risk are determined at the transaction date as follows:

- ▶ For term deposits at credit institutions, certificates of deposit issued by credit institutions, and funds on the securities trading accounts of fund management companies opened at securities companies; repurchase agreements and reversed repurchase agreements in accordance with prevailing regulations; margin loan contracts in accordance with prevailing regulations; receivables arising from securities business activities in accordance with law; receivables from matured bonds, valuable papers, mature debt instruments that have not yet been paid; other receivables, contracts, transactions and capital usages exposed to settlement risk. Exposures to settlement risk before the date of securities transfer, cash settlement, contract liquidation shall be determined using the following formula:

$$\text{Exposures to settlement risk} = \text{Settlement risk coefficient of counter party} \times \text{Value of assets exposed to settlement risk}$$

- ▶ For underwriting contracts in the form of firm commitment signed with other organizations in a syndicated underwriting contract in which the Company is the lead underwriter, the exposures to settlement risk value equals 30% of the remaining value of unpaid underwriting contracts;
- ▶ For overdue receivables, other receivables and other assets, securities which have not been received on time, including securities and cash which have not been received from term deposits at credit institutions; certificates of deposit issued by credit institutions; securities borrowing contracts in accordance with prevailing regulations; repurchase and reverse repurchase agreements in accordance with prevailing regulations; matured margin loans in accordance with prevailing regulations, exposures to settlement risk is determined as follows:

$$\text{Exposures to settlement risk} = \text{Settlement risk coefficient by time} \times \text{Value of assets exposed to settlement risk}$$

# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 3. SUMMARY OF SIGNIFICANT POLICIES IN PREPARATION OF FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)

### 3.4 Exposures to settlement risk (continued)

#### 3.4.1 Settlement risk coefficient

Settlement risk coefficient is determined based on the type of counterparties and the period as specified in Appendix III, Circular 91.

#### 3.4.2 Value of assets exposed to settlement risk

##### a. Securities borrowing, securities lending, margin lending, repurchase and reverse repurchase agreements of customers or of the Company

Value of assets exposed to settlement risk is the market value of the contract determined as follows:

► Exposures to settlement risk is as follows:

| No. | Type of transaction   | Value of assets exposed to settlement risk  |
|-----|---|---|
| 1.  | Term deposits, certificates of deposit, unsecured loans; contracts, transactions, capital use according to Point k, Clause 1, Article 10 of Circular 91 amended by Clause 1, Article 7 of Circular 102. | Total balance of deposit account, certificate of deposit, loan value, contract value, transaction value plus dividends, bond interests, preference value (for securities) or deposits interests, loan interests, other surcharges (for credit). |
| 2.  | Securities lending  | $\text{Max}\{(\text{Market value of the contract} - \text{Collateral value (if any)}), 0\}$   |
| 3.  | Securities borrowing  | $\text{Max}\{(\text{Collateral value} - \text{Market value of the contract}), 0\}$  |
| 4.  | Reverse repurchase agreements   | $\text{Max}\{(\text{Contract value based on purchase price} - \text{Market value of the contract} \times (1 - \text{Market risk coefficient})), 0\}$  |
| 5.  | Repurchase agreements   | $\text{Max}\{(\text{Market value of the contract} \times (1 - \text{Market risk coefficient}) - \text{Contract value based on selling price}), 0\}$   |
| 6.  | Margin contracts (loans to customers to purchase securities)/Other economic agreements with the similar nature  | $\text{Max}\{(\text{Margin balance} - \text{Collateral value}), 0\}$  |

Margin balance includes outstanding loan principal, interest and other fees.

Customers' collateral value is determined in line with Note 3.4.3. In case the value of collateral does not have any reference in the market, its value is determined by the internal methods of the Company.

Asset price is determined in line with Note 3.3.2.

# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 3. SUMMARY OF SIGNIFICANT POLICIES IN PREPARATION OF FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)

### 3.4 Exposures to settlement risk (continued)

#### 3.4.2 Value of assets exposed to settlement risk (continued)

##### b. Securities trading

Value of assets exposed to settlement risk in securities trading as the following standard:

| No.  | Period                                   | Value of assets exposed to settlement risk                                |
|--|--|---|
| A - For the selling transactions<br>(seller is the Company or its customers under the securities brokerage activities) |  |   |
| 1.   | Before the settlement date/year          | 0   |
| 2.   | After the settlement date/year           | Market value of the contract (if Market value is less than Trading value) |
|  |  | 0 (if Market value is greater than Trading value)                         |
| B - For the buying transactions<br>(buyer is the Company or the Company's customer)                                    |  |   |
| 1.   | Before the securities transfer date/year | 0   |
| 2.   | After the securities transfer date/year  | Market value of the contract (if Market value is less than Trading value) |
|  |  | 0 (if Market value is greater than Trading value)                         |

Settlement/transfer period of securities is T+2 (for listed securities), T+1 (for listed bonds); T+n (for transactions outside the official trading system within n days under agreement of both parties), or in accordance with prevailing regulations (for derivatives).

##### c. Receivables, matured bonds, matured debt instruments

Value of assets exposed to settlement risk is the value of receivables calculated based on par value, plus accrued interest, related costs and less cash received previously (if any).

# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 3. SUMMARY OF SIGNIFICANT POLICIES IN PREPARATION OF FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)

### 3.4 Exposures to settlement risk (continued)

#### 3.4.2 Value of assets exposed to settlement risk (continued)

##### d. Receivables, other receivables and other contracts, transactions, capital usages and assets with potential settlement risk

For contracts and transactions specified at Point k, Clause 1, Article 10, Circular 91 amended by Clause 1, Article 7 of Circular 102, the Company determines as follows:

- Deposit agreements or agreements for purchasing real estate, and economic agreements of similar nature:

$$\text{Payment risk value} = \text{Deposit amount} \times 150\%$$

- Loans or receivables from customers not falling under Points dd and g Clause 1 of this Article:

$$\text{Payment risk value} = \text{Loan or receivable amount} \times 150\%$$

- Other contracts or transactions:

$$\text{Payment risk value} = \text{Total value of assets potentially exposed to payment risk} \times 100\%$$

For advances with the remaining repayment period of less than 90 days (excluding extended advances; extended cases shall be eligible for deductions from eligible capital as prescribed in Point b Clause 4 Article 5 and Point b Clause 2 Article 6 of Circular 91), the Company determines as follows:

| Value of assets exposed to settlement risk |   | Risk coefficient | Value of settlement risk  |
|--|---|------------------|---|
| Value of all advances                      | accounting for 0% to 2% of equity at the calculation date | 8%               | Value of settlement risk = Value of the asset at risk of payment × Risk coefficient |
|  | accounting for more than 2% to under 5% of equity         | 50%              |   |
|  | accounting for 5% or more of equity                       | 100%             |   |

#### 3.4.3 Deduction to collateral

The value of collaterals shall be deducted from the Company's value of assets exposed to settlement risk if the related contracts and transactions satisfy the following conditions:

- ▶ Partners or customers use collaterals to ensure their fulfilment of obligations and their collaterals are cash, cash equivalents, valuable papers, negotiable instruments on the money market, securities listed and registered on the Securities Stock Exchange and subsidiaries, Government bonds, bonds guaranteed by the Ministry of Finance;
- ▶ The Company has rights to control, manage, use, and transfer collaterals if partners fail to make payment fully and timely as agreed in the contracts.

Value of asset subjected to deduction is determined as follows:

$$\text{Collateral value} = \text{Volume of assets} \times \text{Asset price} \times (1 - \text{Market risk coefficient})$$

Assets price is determined in accordance with Note 3.3.2.

# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 3. SUMMARY OF SIGNIFICANT POLICIES IN PREPARATION OF FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)

### 3.4 *Exposures to settlement risk* (continued)

#### 3.4.4 *Increase in exposures to settlement risk*

Exposures to settlement risk increase in the following cases:

- ▶ An increase of 10% if the value of deposits contracts, certificates of deposits, loans, undue receivables, repurchase agreements, reversed repurchase agreements, the total value of loans to an organization, an individual and a group of related organizations/ individuals (if any) account for more than 10% to 15% of the owners' equity of the Company;
- ▶ An increase of 20% if the value of deposits contracts, certificates of deposits, loans, undue receivables, repurchase agreements, reversed repurchase agreements, the total value of loans to an organization, an individual and a group of related organizations/ individuals (if any) account for more than 15% to 25% of the owners' equity of the Company;
- ▶ An increase of 30% if the value of deposits contracts, certificates of deposits, loans, undue receivables, repurchase agreements, reversed repurchase agreements, the total value of loans to an organization, an individual and a group of related organizations/ individuals (if any), or an individual and related parties of that individual (if any), account for more than 25% of the owners' equity of the Company.

#### 3.4.5 *Net bilateral clearing value of assets exposed to settlement risk*

Value of assets exposed to settlement risk is subject to net bilateral clearing in cases:

- ▶ Settlement risk relating to the same partner;
- ▶ Settlement risk occurred to the same type of transaction;
- ▶ The net bilateral clearing is agreed in advance via documents.

### 3.5 *Exposures to operational risk*

Exposures to operational risk are the potential losses which may occur due to technical errors, system errors and business processes, human errors during performing their work, or due to the lack of capital resulting from expenses, losses arising from investment activities, or other objective reasons.

Exposures to operational risk of the Company is determined at the higher of 25% of the Company's expenses for calculating operational risk within twelve (12) consecutive months up to reporting date or 20% of the Company's legal capital.

The Company's expenses for calculating operational risk are determined from total expenses incurred in the period less: depreciation expense; provision expense/reversal of impairment of short-term, long-term financial assets and mortgage assets; provision expense/reversal of impairment of receivables; provision expense/reversal of impairment of other short-term assets; loss from revaluation of financial assets at fair value through profit and loss ("FVTPL"), interest expense, loss from revaluation outstanding covered warrants payables which has been recognized as expense in the period, unrealized foreign exchange gain or loss, financial expenses and other non-cash expenses in the business activities of the Company.

# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 4. EXPOSURES TO MARKET RISK

| <i>Investment items</i>                                       |  | <i>Ratio %</i> | <i>Scale of risk VND</i> | <i>Risk exposure VND</i> |
|---|--|----------------|--------------------------|--------------------------|
|   |  | <i>(1)</i>     | <i>(2)</i>               | <i>(3) = (1) x (2)</i>   |
| <b>I. Cash and cash equivalents, money market instruments</b> |  |                |                          |                          |
| 1   | Cash (VND) and demand deposits at banks  | 0              | 823,949,250,130          | -                        |
| 2   | Cash equivalents   | 0              | 150,234,246,576          | -                        |
| 3   | Valuable papers, negotiable instruments in the monetary market, certificates of deposits   | 0              | -                        | -                        |
| <b>II. Government bonds</b>                                   |  |                |                          |                          |
| 4   | Zero-coupon Government bonds   | 0              | -                        | -                        |
| 5   | Coupon Government bonds: Government bonds (including sovereign bonds and project bonds issued previously), Government bonds of OECD countries or guaranteed by the Government or the Central Bank of the OECD countries, Bonds issued by international institutions such as IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB and EBRD, Municipal bonds | 3              | -                        | -                        |

# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 4. EXPOSURES TO MARKET RISK (continued)

| <i>Investment items</i>                         |   | <i>Ratio %</i> | <i>Scale of risk VND</i> | <i>Risk exposure VND</i> |
|---|---|----------------|--------------------------|--------------------------|
|   |   | (1)            | (2)                      | (3) = (1) x (2)          |
| <b>III. Bonds issued by credit institutions</b> |   |                |                          |                          |
| 6   | Bonds of credit institutions with remaining maturity under 1 year, including convertible bonds  | 0              | -                        | -                        |
|   | Bonds of credit institutions with remaining maturity from 1 year to under 3 years, including convertible bonds  | 3              | -                        | -                        |
|   | Bonds of credit institutions with remaining maturity from 3 years to under 5 years, including convertible bonds   | 5              | -                        | -                        |
|   | Bonds of credit institutions with remaining maturity of 5 years or more, including convertible bonds<br><i>Including:</i><br><i>Bonds issued by Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade</i><br>- <i>An additional 10% risk factor shall apply to issuing organizations rated below BBB by international credit rating agencies (Fitch Ratings, Moody's)</i><br>- <i>Credit rating agencies:</i><br>1. <i>Fitch Ratings:</i><br>a. <i>Date of publication of credit rating results: November 2025</i><br>b. <i>Credit rating level for the bond/ issuing organizations:</i><br>+ <i>Short term: B</i><br>+ <i>Long term: BB+</i><br>+ <i>Outlook: Stable</i><br>2. <i>Moody's:</i><br>a. <i>Date of publication of credit rating results: October 2025</i><br>b. <i>Credit rating level for the bond/ issuing organizations:</i><br>+ <i>Short term: -</i><br>+ <i>Long term: Ba2</i><br>+ <i>Outlook: Stable</i> | 20             | 303,626,383,562          | 60,725,276,712           |
| <b>IV. Corporate bonds</b>                      |   |                |                          |                          |
| 7   | <b>Listed Corporate bonds</b>   |                |                          |                          |
|   | Listed bonds having remaining maturity of less than 1 year, including convertible bonds   | 0              | -                        | -                        |
|   | Listed bonds having remaining maturity of 1 to under 3 years, including convertible bonds   | 5              | -                        | -                        |
|   | Listed bonds having remaining maturity of 3 to under 5 years, including convertible bonds   | 10             | -                        | -                        |
|   | Listed bonds having remaining maturity of 5 years and above, including convertible bonds  | 15             | -                        | -                        |

# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 4. EXPOSURES TO MARKET RISK (continued)

| <i>Investment items</i>                |  | <i>Ratio %</i> | <i>Scale of risk VND</i> | <i>Risk exposure VND</i> |
|--|--|----------------|--------------------------|--------------------------|
|  |  | (1)            | (2)                      | (3) = (1) x (2)          |
| <b>IV. Corporate bonds (continued)</b> |  |                |                          |                          |
| 8                                      | <b>Unlisted Corporate bonds</b>  |                |                          |                          |
|  | Unlisted bonds, which was issued by listed corporate, having remaining maturity of less than 1 year, including convertible bonds       | 5              | -                        | -                        |
|  | Unlisted bonds, which was issued by listed corporate, having remaining maturity of 1 to under 3 years, including convertible bonds     | 10             | -                        | -                        |
|  | Unlisted bonds, which was issued by listed corporate, having remaining maturity of 3 to under 5 years, including convertible bonds     | 20             | -                        | -                        |
|  | Unlisted bonds, which was issued by listed corporate, having remaining maturity of 5 years and above, including convertible bonds      | 25             | -                        | -                        |
|  | Unlisted bonds, which was not issued by listed corporate, having remaining maturity of less than 1 year, including convertible bonds   | 15             | -                        | -                        |
|  | Unlisted bonds, which was not issued by listed corporate, having remaining maturity of 1 to under 3 years, including convertible bonds | 20             | -                        | -                        |
|  | Unlisted bonds, which was not issued by listed corporate, having remaining maturity of 3 to under 5 years, including convertible bonds | 30             | -                        | -                        |
|  | Unlisted bonds, which was not issued by listed corporate, having remaining maturity of 5 years and above, including convertible bonds  | 35             | -                        | -                        |
| <b>V. Shares</b>                       |  |                |                          |                          |
| 9                                      | Ordinary shares, preferred shares of entities listed in Ho Chi Minh Stock Exchange   | 10             | 1,573,931,784,600        | 157,393,178,460          |
| 10                                     | Ordinary shares, preferred shares of entities listed in Hanoi Stock Exchange   | 15             | 5,323,000                | 798,450                  |

# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 4. EXPOSURES TO MARKET RISK (continued)

| <i>Investment items</i>  |  | <i>Ratio %</i> | <i>Scale of risk VND</i> | <i>Risk exposures VND</i> |
|--|--|----------------|--------------------------|---------------------------|
|  |  | (1)            | (2)                      | (3) = (1) x (2)           |
| <b>V. Shares (continued)</b>   |  |                |                          |                           |
| 11   | Ordinary shares, preferred shares of unlisted public entities registered for trading through Upcom system                                      | 20             | 108,811,877,100          | 21,762,375,420            |
| 12   | Ordinary shares, preferred shares of public entities registered for depository, but not yet listed or registered for trading; shares under IPO | 30             | -                        | -                         |
| <b>VI. Certificates of investment securities funds</b>   |  |                |                          |                           |
| 13   | Public funds, public securities investment companies   | 10             | 43,998,040,000           | 4,399,804,000             |
| 14   | Member funds   | 50             | -                        | -                         |
| 15   | Private securities investment companies  | 30             | -                        | -                         |
| <b>VII. Securities subject to warning, control, trading restriction, suspension, trading halt, delisting, or trading cancellation</b>  |  |                |                          |                           |
| 16   | Securities subject to warning  | 35             | -                        | -                         |
| 17   | Securities under control   | 40             | 1,915,900                | 766,360                   |
| 18   | Securities under trading halt or restriction   | 60             | -                        | -                         |
| 19   | Securities subject to trading suspension   | 70             | 1,750,000                | 1,225,000                 |
| 20   | Securities subject to delisting or trading cancellation  | 80             | 9,618,909,172            | 7,695,127,338             |
| <b>VIII. Derivative securities</b>   |  |                |                          |                           |
| 21   | Share index future contracts   | 8              | -                        | -                         |
| Calculation:<br>Exposure to risk = Max{((Value of payment at the end of the day – Value of purchased securities to guarantee future contract payment obligations) x risk coefficient of future contracts – Escrow value (The contribution to the clearing fund for the open position of the securities company)),0}<br>Value of payment at the end of day = Price paid at the end of the day x Open volume |  |                |                          |                           |
| 22   | Government bond futures contracts  | 3              | -                        | -                         |
| Calculation:<br>Exposure to risk = Max{((Value of payment at the end of the day – Value of purchased securities to guarantee future contract payment obligations) x risk coefficient of future contracts – Escrow value (The contribution to the clearing fund for the open position of the securities company)),0}<br>Value of payment at the end of day = Price paid at the end of the day x Open volume |  |                |                          |                           |



# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 4. EXPOSURES TO MARKET RISK (continued)

| <i>Investment items</i>   |  | <i>Ratio %</i> | <i>Scale of risk VND</i> | <i>Risk exposures VND</i> |
|---|--|----------------|--------------------------|---------------------------|
|   |  | (1)            | (2)                      | (3) = (1) x (2)           |
| <b>IX. Other securities</b>   |  |                |                          |                           |
| 23  | Shares listed on foreign markets under the indices specified in Appendix VIII  | 25             | -                        | -                         |
| 24  | Shares listed on foreign markets not under the indices specified in Appendix VIII  | 100            | -                        | -                         |
| 25  | Covered warrants listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange   | 8              | -                        | -                         |
| 26  | Arbitrage transactions   | 2              | -                        | -                         |
| 27  | Equity interests, contributed capital, other securities, and other investment assets   | 80             | 211,950,000,000          | 169,560,000,000           |
| 28  | Covered warrants issued by the Company   |                | -                        | -                         |
| 29  | Securities formed from hedging activities for the issued covered warrants (in case covered warrants are not profitable)  |                | -                        | -                         |
| 30  | The positive difference between the value of the underlying securities used by the Company to hedge against the risks of covered warrants and the value of the underlying securities necessary to hedge for covered warranties |                | -                        | -                         |
| <b>X. Increase risk (as determined on the basis of shareholders' equity after all required provisions have been fully provided for)</b> |  |                |                          |                           |
| 1   | Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade   | 10             | 72,015,334,062           | 7,201,533,406             |
| 2   | Kinh Bac City Development Holding Corporation  | 10             | 41,145,279,000           | 4,114,527,900             |
| <b>TOTAL EXPOSURES TO MARKET RISK (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX+X)</b>  |  |                | <b>432,854,613,046</b>   |                           |

# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 5. EXPOSURES TO SETTLEMENT RISK

Exposures to settlement risk  
VND

|   |                       |
|---|-----------------------|
| Risks of undue items (Note 5.1)           | 12,529,148,075        |
| Risks of overdue items (Note 5.2)         | 1,978,208,478         |
| <b>Total exposures to settlement risk</b> | <b>14,507,356,553</b> |

### 5.1 Risks of undue items

| Type of transactions   | Risk coefficient (%) | Exposures to settlement risk (VND) |               |          |          |               |               | Total exposures to settlement risk VND |
|--|----------------------|------------------------------------|---------------|----------|----------|---------------|---------------|--|
|  |                      | 0% (1)                             | 0.8% (2)      | 3.2% (3) | 4.8% (4) | 6% (5)        | 8% (6)        |  |
| 1. Term deposits, certificates of deposits, cash held in securities trading accounts at securities companies, loans without collaterals and receivables from securities trading operations, receivables arising from the sale of listed securities, and other items exposed to settlement risk |                      | -                                  | 1,588,667,283 | -        | -        | 9,014,054,795 | 1,926,425,997 | 12,529,148,075                         |
| 2. Securities lending /other agreements with similar nature  |                      | -                                  | -             | -        | -        | -             | -             | -                                      |
| 3. Securities borrowings/other agreements with similar nature  |                      | -                                  | -             | -        | -        | -             | -             | -                                      |
| 4. Reverse repurchase agreements/other agreements with similar nature  |                      | -                                  | -             | -        | -        | -             | -             | -                                      |
| 5. Repurchase agreements/other agreements with similar nature  |                      | -                                  | -             | -        | -        | -             | -             | -                                      |
| 6. Margin lending (loans to customers for securities trading)/ other agreements with similar nature  |                      | -                                  | -             | -        | -        | -             | -             | -                                      |
| <b>TOTAL EXPOSURES TO SETTLEMENT RISK OF UNDU E ITEMS</b>  |                      |                                    |               |          |          |               |               | <b>12,529,148,075</b>                  |

# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 5. EXPOSURES TO SETTLEMENT RISK (continued)

### 5.1 *Risks of undue items* (continued)

Settlement risk coefficient based on counterparties is determined as follows:

| No. | Counterparties of the Company   | Settlement risk coefficient |
|-----|---|-----------------------------|
| (1) | Government, issuers guaranteed by the Government, Ministry of Finance, State Bank, Government and Central Banks of OECD countries; People's committees of provinces and cities under central authority                              | 0%                          |
| (2) | Securities Stock Exchanges, Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation  | 0.8%                        |
| (3) | Credit institutions, financial institutions, and securities trading institutions which are established in OECD countries and have credit ratings in accordance with the internal policies of securities trading institutions        | 3.2%                        |
| (4) | Credit institutions, financial institutions, and securities trading institutions which are established in OECD countries and do not have credit ratings in accordance with the internal policies of securities trading institutions | 4.8%                        |
| (5) | Credit institutions, financial institutions, and securities trading institutions being established and operating in Vietnam   | 6.0%                        |
| (6) | Other entities and individuals  | 8.0%                        |

## Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

### 5. EXPOSURES TO SETTLEMENT RISK (continued)

#### 5.1 Risks of undue items (continued)

(\*) Details:

|   | Carrying value<br>VND    | Value of collaterals<br>VND | Carrying amount<br>without collaterals/<br>Scale of risk<br>VND | Settlement risk<br>coefficient by<br>counterparties<br>% | Exposures to<br>settlement risk<br>VND |
|---|--------------------------|-----------------------------|---|--|--|
| Term deposits and certificates of deposits      | 150,234,246,576          | -                           | 150,234,246,576   | 6.0%   | 9,014,054,795                          |
| Receivables from sale of financial assets       | 46,912,220,000           | -                           | 46,912,220,000  | 0.8%   | 375,297,760                            |
| Receivables from margin                         | 3,807,745,910,603        | 9,479,141,579,730           | -   | 8.0%   | -                                      |
| Receivables from advances                       | 151,605,954,531          | -                           | 151,605,954,531   | 0.8%   | 1,212,847,637                          |
| Vietnam Securities Depository, Ho Chi Minh City | 65,235,713               | -                           | 65,235,713  | 0.8%   | 521,886                                |
| Stock Exchange receivables                      | 24,080,324,946           | -                           | 24,080,324,946  | 8.0%   | 1,926,425,997                          |
| Other receivables                               |                          |                             |   |  |  |
| <b>Total</b>                                    | <b>4,180,643,892,369</b> | <b>9,479,141,579,730</b>    | <b>372,897,981,766</b>  |  | <b>12,529,148,075</b>                  |

# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 5. EXPOSURES TO SETTLEMENT RISK (continued)

### 5.2 Risks of overdue items

| No   | Overdue period  | Settlement risk coefficient % | Scale of risk VND | Exposures of settlement risk VND |
|--|---|-------------------------------|-------------------|----------------------------------|
| 1  | 0 - 15 days after payment due date or date of transferring securities   | 16                            | -                 | -                                |
| 2  | 16 - 30 days after payment due date or date of transferring securities  | 32                            | -                 | -                                |
| 3  | 31 - 60 days after payment due date or date of transferring securities  | 48                            | -                 | -                                |
| 4  | Above 60 days after payment due date or date of transferring securities | 100                           | 1,978,208,478     | 1,978,208,478                    |
| <b>TOTAL EXPOSURES TO SETTLEMENT RISK OF OVERDUE ITEMS</b> |   |                               |                   | <b>1,978,208,478</b>             |

## 6. EXPOSURES TO OPERATIONAL RISK

| No   | Items   | Amount VND             |
|--|---|------------------------|
| I.   | Total operating expenses incurring within 12 months period up to 31 December 2025         | 702,944,147,247        |
| II.  | Deductions from total expenses (Note 6.1)   | 332,128,988,545        |
| III.   | Total expenses after deductions (III = I – II)  | 370,815,158,702        |
| IV.  | 25% of total expense after deductions (IV = 25% III)                                      | 92,703,789,676         |
| V.   | 20% minimum charter capital for business operations of a securities business organization | 180,000,000,000        |
| <b>TOTAL EXPOSURES TO OPERATIONAL RISK (Max {IV, V})</b> |   | <b>180,000,000,000</b> |

### 6.1 Deductions from total expenses

|   | Amount VND             |
|---|------------------------|
| Depreciation expense  | 24,339,468,406         |
| Provision reverse for impairment of receivables   | (10,075,041)           |
| Unrealized foreign exchange losses  | 320,000,000            |
| Financial expenses and other non-cash expenses arising from the Company's business operations | 2,171,205,546          |
| Difference decrease expense on revaluation of financial assets recognized through profit/loss | 5,655,565,342          |
| Interest expense  | 299,652,824,292        |
| <b>TOTAL</b>  | <b>332,128,988,545</b> |

# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 7. LIQUID CAPITAL

| No.       | Contents  | Liquid Capital        |                   |                          |
|-----------|---|-----------------------|-------------------|--------------------------|
|           |   | Liquid Capital<br>VND | Deductions<br>VND | Increases<br>VND         |
|           |   | (1)                   | (2)               | (3)                      |
| <b>A</b>  | <b>Owners' equity</b>   |                       |                   |                          |
| 1         | Owners' equity, excluding of redeemable preferred shares (if any)             | 2,720,000,000,000     |                   |                          |
| 2         | Share premium, other capital, excluding redeemable preference shares (if any) | 9,212,118,792         |                   |                          |
| 3         | Treasury shares   | -                     |                   |                          |
| 4         | The convertible bonds - equity component                                      | -                     |                   |                          |
| 5         | Other owner's equity  | -                     |                   |                          |
| 6         | Difference form revaluation of financial assets at fair value                 | (44,326,916,859)      |                   |                          |
| 7         | Charter capital supplementary reverse   | -                     |                   |                          |
| 8         | Operational risk and financial reverse  | -                     |                   |                          |
| 9         | Other funds belonging to the owners' equity                                   | 3,079,092,125         |                   |                          |
| 10        | Realized undistributed profit   | 311,054,065,859       |                   |                          |
| 11        | Balance to provision for impairment of assets                                 | 46,190,448,695        |                   |                          |
| 12        | Difference from revaluation of fixed asset                                    | -                     |                   |                          |
| 13        | Foreign exchange rate differences   | -                     |                   |                          |
| 14        | Convertible debts   |                       |                   | -                        |
| 15        | Total increase or decrease of securities in financial investments             |                       | 41,725,901,715    | 107,072,756,482          |
| 16        | Other capital (if any)  |                       |                   |                          |
| <b>1A</b> | <b>Total</b>  |                       |                   | <b>3,110,555,663,379</b> |
| <b>B</b>  | <b>Short-term assets</b>  |                       |                   |                          |
| <i>I</i>  | <i>Financial assets</i>   |                       |                   |                          |
| 1         | Cash and cash equivalents   |                       |                   |                          |
| 2         | Financial assets at fair value through profit and loss (FVTPL)                |                       |                   |                          |
|           | Securities exposed to market risk   |                       |                   |                          |
|           | Securities deducted from liquid capital                                       |                       | -                 |                          |
| 3         | Held-to-maturity (HTM) investments  |                       |                   |                          |
|           | Securities exposed to market risk   |                       |                   |                          |
|           | Securities deducted from liquid capital                                       |                       | -                 |                          |



# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 7. LIQUID CAPITAL (continued)

| No.      | Contents   | Liquid Capital        |                   |                  |
|----------|--|-----------------------|-------------------|------------------|
|          |  | Liquid Capital<br>VND | Deductions<br>VND | Increases<br>VND |
|          |  | (1)                   | (2)               | (3)              |
| <b>B</b> | <b>Short-term assets (continued)</b>   |                       |                   |                  |
| <b>I</b> | <b>Financial assets (continued)</b>  |                       |                   |                  |
| 4        | Loans  |                       |                   |                  |
| 5        | Available-for-sale (AFS) financial assets  |                       |                   |                  |
|          | Securities exposed to market risk  |                       |                   |                  |
|          | Securities deducted from liquid capital  |                       | -                 |                  |
| 6        | Provision for impairment of financial assets and mortgage assets   |                       |                   |                  |
| 7        | Receivables (Receivables from disposal of financial assets, Receivables and accrual from dividend and interest income) |                       |                   |                  |
|          | Receivables due in 90 days or less   |                       |                   |                  |
|          | Receivables due in more than 90 days   |                       | -                 |                  |
|          | Receivables not yet due but with counterparties that have lost their ability to settle obligations                     |                       | -                 |                  |
| 8        | Covered warrant not yet been issued  |                       |                   |                  |
| 9        | The underlying securities for the purpose of hedging when issuing covered warrants                                     |                       |                   |                  |
| 10       | Receivables from services provided from the Company  |                       |                   |                  |
|          | Receivables due in 90 days or less (irrecoverable)   |                       |                   |                  |
|          | Receivables due in more than 90 days   |                       | 44,224,052,717    |                  |
|          | Receivables not yet due but with counterparties that have lost their ability to settle obligations                     |                       | -                 |                  |

# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 7. LIQUID CAPITAL (continued)

| No.      | Contents   | Liquid Capital        |                   |                  |
|----------|--|-----------------------|-------------------|------------------|
|          |  | Liquid Capital<br>VND | Deductions<br>VND | Increases<br>VND |
|          |  | (1)                   | (2)               | (3)              |
| <b>B</b> | <b>Short-term assets (continued)</b>   |                       |                   |                  |
| <b>I</b> | <b>Financial assets (continued)</b>  |                       |                   |                  |
| 11       | Internal receivables   |                       |                   |                  |
|          | Internal receivables due in 90 days or less  |                       |                   |                  |
|          | Internal receivables due in more than 90 days  |                       | -                 |                  |
|          | Receivables not yet due but with counterparties that have lost their ability to settle obligations |                       | -                 |                  |
| 12       | Receivables due to errors in securities transaction  |                       |                   |                  |
|          | Receivables due in 90 days or less   |                       |                   |                  |
|          | Receivables due in more than 90 days   |                       | -                 |                  |
|          | Receivables not yet due but with counterparties that have lost their ability to settle obligations |                       | -                 |                  |
| 13       | Other receivables  |                       |                   |                  |
|          | Other receivables due in 90 days or less   |                       |                   |                  |
|          | Other receivables due in more than 90 days   |                       | -                 |                  |
|          | Receivables not yet due but with counterparties that have lost their ability to settle obligations |                       | -                 |                  |
| 14       | Provision for impairment of receivables  |                       |                   |                  |

# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 7. LIQUID CAPITAL (continued)

| No.        | Contents  | Liquid Capital        |                       |                       |
|------------|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|            |   | Liquid Capital<br>VND | Deductions<br>VND     | Increases<br>VND      |
|            |   | (1)                   | (2)                   | (3)                   |
| <b>B</b>   | <b>Short-term assets (continued)</b>  |                       |                       |                       |
| <b>II</b>  | <b>Other short-term assets</b>  |                       |                       |                       |
| 1          | Advances  |                       |                       |                       |
|            | Advances with remaining repayment term of 90 days or less                                       |                       |                       |                       |
|            | Advances with remaining repayment term of more than 90 days                                     |                       | -                     |                       |
|            | Advances not yet due but with counterparties that have lost their ability to settle obligations |                       | -                     |                       |
| 2          | Office supplies, tools and materials  |                       | 1,517,097,545         |                       |
| 3          | Short-term prepaid expenses   |                       | 12,488,976,863        |                       |
| 4          | Short-term deposits, collaterals and pledges  |                       | 55,900,000            |                       |
| 5          | Deductible value added tax  |                       | -                     |                       |
| 6          | Tax and other receivables from the State  |                       | 500,842,193           |                       |
| 7          | Other current assets  |                       | 1,422,291,132         |                       |
| 8          | Provision for impairment of other current assets  |                       |                       |                       |
| <b>1B</b>  | <b>Total</b>  |                       |                       | <b>60,209,160,450</b> |
| <b>C</b>   | <b>Long-term assets</b>   |                       |                       |                       |
| <b>I</b>   | <b>Long-term financial assets</b>   |                       |                       |                       |
| 1          | Long-term receivables   |                       | -                     |                       |
| 2          | Investments   |                       |                       |                       |
| 2.1        | HTM investments   |                       |                       |                       |
|            | Securities exposed to market risk   |                       |                       |                       |
|            | Securities deducted from liquid capital   |                       | -                     |                       |
| 2.2        | Investments in subsidiaries   |                       | 164,920,000,000       |                       |
| 2.3        | Other long-term investment  |                       | -                     |                       |
| <b>II</b>  | <b>Fixed assets</b>   |                       | <b>60,858,333,943</b> |                       |
| <b>III</b> | <b>Investment properties</b>  |                       | -                     |                       |
| <b>IV</b>  | <b>Construction in progress</b>   |                       | <b>653,595,750</b>    |                       |
| <b>V</b>   | <b>Other long-term assets</b>   |                       | <b>27,615,217,433</b> |                       |
| 1          | Long-term deposits, collaterals and pledges   |                       | 5,418,580,993         |                       |
| 2          | Long-term prepaid expenses  |                       | 2,196,636,440         |                       |
| 3          | Deferred income tax   |                       | -                     |                       |
| 4          | Payment for Settlement Assistant Fund   |                       | 20,000,000,000        |                       |
| 5          | Other long-term assets  |                       | -                     |                       |

# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 7. LIQUID CAPITAL (continued)

| No.                                       | Contents   | Liquid Capital        |                   |                          |
|---|--|-----------------------|-------------------|--------------------------|
|   |  | Liquid Capital<br>VND | Deductions<br>VND | Additions<br>VND         |
|   |  | (1)                   | (2)               | (3)                      |
| <b>C</b>                                  | <b>Long-term assets (continued)</b>  |                       |                   |                          |
|   | <b>Provision for impairment of non-current assets</b>  |                       |                   |                          |
| <b>VI</b>                                 | Assets as modified, adverse or disclaimed in audited financial statements that are not deducted in accordance with Article 5, Circular 91 amended by Article 2 of Circular 102.  |                       | -                 |                          |
| <b>1C</b>                                 | <b>Total</b>   |                       |                   | <b>254,047,147,126</b>   |
| <b>D</b>                                  | <b>Margin, collaterals assets</b>  |                       |                   |                          |
| 1   | The value of the margin  |                       |                   |                          |
| 1.1                                       | The value of contribution to Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation   |                       | 10,000,000,000    |                          |
| 1.2                                       | The value of contribution to the clearing fund of the central settlement counterparty for the open position of the clearing member   |                       | -                 |                          |
| 1.3                                       | The value of cash escrow and bank's guarantee for issuing covered warrants   |                       | -                 |                          |
| 2   | The value of collaterals for obligations of the securities company and other organizations and individuals:<br>- Bonds pledged as collateral for the Company's loan at Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam |                       | 27,895,890,412    |                          |
| <b>1D</b>                                 | <b>Total</b>   |                       |                   | <b>37,895,890,412</b>    |
| <b>TOTAL LIQUID CAPITAL = 1A-1B-1C-1D</b> |  |                       |                   | <b>2,758,403,465,391</b> |

Notes:

Non-applicable for the preparation of the financial safety ratio report

# Viet Dragon Securities Corporation

NOTES TO THE FINANCIAL SAFETY RATIO REPORT (continued)  
as at 31 December 2025

## 8. EVENTS AFTER THE REPORTING DATE

There is no matter or circumstance that has arisen since 31 December 2025 that requires adjustment or disclosure in the financial safety ratio report of the Company.

Ho Chi Minh City, Vietnam  
27 February 2026

  
  
Ms. Duong Kim Chi  
Chief Accountant  
Ms. Vo Pham Vinh Nghi  
Head of  
Internal Control Department

S.G.P. 43 - C.T.C.P.  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN  
RỒNG VIỆT  
HỒ CHÍ MINH  
THÀNH PHỐ

  
Ms. Nguyen Thi Thu Huyen  
General Director